

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI

Số: 3631/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 08 tháng 11 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc sáp nhập và phân loại thôn, tổ dân phố  
thuộc các xã, thị trấn huyện Văn Bàn năm 2018

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 của Bộ Nội vụ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông báo số 2269-TB/TU ngày 10/7/2018 của Thường trực Tỉnh ủy Lào Cai về chủ trương sáp nhập thôn, tổ dân phố giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ văn bản số 59 /HDND-TT ngày 05/11/2018 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thỏa thuận Tờ trình số 191/TTr-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh Lào Cai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sáp nhập 103 thôn, tổ dân phố cũ thành 56 thôn, tổ dân phố mới (giảm 47 thôn, tổ dân phố) thuộc 16 xã, thị trấn của huyện Văn Bàn năm 2018, cụ thể:

**1. Xã Nậm Xây:** Sáp nhập 02 thôn cũ thành 01 thôn mới (*giảm 01 thôn*): Thôn Phìn Hồ sáp nhập vào thôn Mà Sa Phìn lấy tên là thôn Mà Sa Phìn.

**2. Xã Minh Lương:** Sáp nhập 06 thôn cũ thành 04 thôn mới (*giảm 02 thôn*):

- Thôn 3 Minh Hạ sáp nhập vào thôn Pom Khén lấy tên là thôn 3 Minh Hạ;

- Tách thôn 2 Minh Chiềng thành 03 cụm dân cư và tách thôn 3 Minh Chiềng thành 03 cụm dân cư để sáp nhập vào 02 thôn liền kề và hình thành 01 thôn mới:

+ Sáp nhập cụm thứ nhất của thôn 2 Minh Chiềng và cụm thứ nhất của thôn 3 Minh Chiềng vào thôn 1 Minh Chiềng lấy tên là thôn 1 Minh Chiềng;

+ Sáp nhập cụm thứ hai thôn 2 Minh Chiềng vào cụm thứ hai của thôn 3 Minh Chiềng lấy tên là thôn 2 Minh Chiềng;

+ Sáp nhập cụm thứ ba của thôn 2 Minh Chiềng và cụm thứ ba thôn 3 Minh Chiềng vào thôn 4 Minh Chiềng lấy tên là thôn 3 Minh Chiềng.

**3. Xã Dương Quỳ:** Sáp nhập 12 thôn cũ thành 06 thôn mới (*giảm 06 thôn*):

- Thôn Nà Hạch sáp nhập vào thôn Đồi Lai lấy tên là thôn Nà Hạch;
- Thôn Nà Hin sáp nhập vào thôn Nà Sơ lấy tên là thôn Nà Hin;
- Thôn Bản Pầu sáp nhập vào thôn Nà Pềm lấy tên là thôn Bản Pầu;
- Thôn Bản Khoay sáp nhập vào thôn Hối Cại lấy tên là thôn Bản Khoay;
- Thôn Khuân Đo sáp nhập vào thôn Phai Luông lấy tên là thôn Khuân Đo;
- Thôn Tông Pháy sáp nhập vào thôn Nà Lốc lấy tên là thôn Tông Pháy.

**4. Xã Hòa Mạc:** Sáp nhập 04 thôn cũ thành 02 thôn mới (*giảm 02 thôn*):

- Thôn Thái Hòa sáp nhập vào thôn Sành Phin lấy tên là thôn Thái Hòa;
- Thôn Nà Bơ sáp nhập vào thôn Nà Coóc lấy tên là thôn Làng Chút.

**5. Xã Làng Giàng:** Sáp nhập 10 thôn cũ thành 05 thôn mới (*giảm 05 thôn*):

- Thôn Ít Lộc 1 sáp nhập vào thôn Ít Lộc 2 lấy tên là thôn Ít Lộc;
- Thôn An 1 sáp nhập vào thôn An 2 lấy tên là thôn An;
- Thôn Nậm Bó sáp nhập vào thôn Nậm Bó 1 lấy tên là thôn Nậm Bó;
- Thôn Nà Bay sáp nhập vào thôn Nà Tiềm lấy tên là thôn Nà Bay;
- Thôn Giàng 1 sáp nhập vào thôn Giàng 2 lấy tên là thôn Giàng.

**6. Xã Khánh Yên Thượng:** Sáp nhập 04 thôn cũ thành 02 thôn mới (*giảm 02 thôn*):

- Thôn Nà Thái sáp nhập vào thôn Bản Thuông lấy tên là thôn Nà Thái;
- Thôn Yên Xuân sáp nhập vào thôn Noong Dờn lấy tên là thôn Noong Dờn.

**7. Xã Khánh Yên Trung:** Sáp nhập 08 thôn cũ thành 05 thôn mới (*giảm 03 thôn*):

- Tách thôn Nà Quan thành 02 cụm dân cư để sáp nhập vào 02 thôn liền kề là thôn Làn 1 và thôn Trung Tâm:

+ Sáp nhập cụm thứ nhất thôn Nà Quan vào thôn Làn 1 lấy tên là thôn Làn 1;

+ Sáp nhập cụm thứ 2 thôn Nà Quan vào thôn Trung Tâm lấy tên là thôn Trung Tâm;

- Thôn Loong Chai sáp nhập vào thôn Noong Khuân lấy tên là thôn Noong Khuân;

- Tách thôn Ớn 3 thành 02 cụm dân cư để sáp nhập vào 02 thôn liền kề là thôn Ớn 1 và thôn Ớn 2, cụ thể:

+ Sáp nhập cụm thứ nhất thôn Én 3 vào thôn Én 1 lấy tên là thôn Én 1;

+ Sáp nhập cụm thứ hai thôn Én 3 vào thôn Én 2 lấy tên là thôn Én 2.

**8. Xã Khánh Yên Hạ:** Sáp nhập 04 thôn cũ thành 02 thôn mới (*giảm 02 thôn*)

- Thôn Xuân Khánh sáp nhập vào thôn Văn Khánh lấy tên là thôn Xuân Khánh;

- Thôn Phát sáp nhập vào thôn Cườm lấy tên là thôn Phát Cườm.

**9. Xã Liêm Phú:** Sáp nhập 06 thôn cũ thành 03 thôn mới (*giảm 03 thôn*):

- Thôn Trung Tâm sáp nhập vào thôn Ỏ lấy tên là thôn Ỏ;

- Thôn Hin Ban sáp nhập vào thôn Liêm lấy tên là thôn Liêm;

- Thôn Chăm Lang sáp nhập vào thôn Giàng lấy tên là thôn Giàng.

**10. Xã Tân An:** Sáp nhập 02 thôn cũ thành 01 thôn mới (*giảm 01 thôn*): Thôn Xuân Sang 1 sáp nhập vào thôn Xuân Sang 2 lấy tên là thôn Xuân Sang.

**11. Xã Tân Thượng:** Sáp nhập 09 thôn cũ thành 05 thôn mới (*giảm 04 thôn*):

- Tách thôn Dài 2 thành 02 cụm dân cư để sáp nhập vào 02 thôn liền kề là thôn Dài 1 và thôn Bản Mai:

+ Sáp nhập cụm thứ nhất thôn Dài 2 vào thôn Dài 1 lấy tên là thôn Khe Dài;

+ Sáp nhập cụm thứ 2 thôn Dài 2 vào thôn Bản Mai lấy tên là thôn Bản Mai.

- Thôn Khe Tôm sáp nhập vào thôn Tân Trúc lấy tên là thôn Tân Trúc;

- Thôn Khe Tép sáp nhập vào thôn Cầu Thỉn lấy tên là thôn Tân Lập;

- Thôn Ngòi Thỉn sáp nhập vào thôn Ngâm Thỉn lấy tên là thôn Ngâm Thỉn.

**12. Xã Võ Lao:** Sáp nhập 12 thôn cũ thành 07 thôn mới (*giảm 05 thôn*):

- Tách thôn Chiềng 2 thành 02 cụm dân cư để sáp nhập vào 02 thôn liền kề là thôn Chiềng 1 và thôn Chiềng 3:

+ Sáp nhập cụm thứ nhất thôn Chiềng 2 vào thôn Chiềng 1 lấy tên là thôn Chiềng 1;

+ Sáp nhập cụm thứ 2 thôn Chiềng 2 vào thôn Chiềng 3 lấy tên là thôn Chiềng 2.

- Thôn Chiềng 4 sáp nhập vào thôn Chiềng 5 lấy tên là thôn Chiềng 3;

- Tách thôn Chiềng 7 thành 02 cụm dân cư để sáp nhập vào 02 thôn liền kề là thôn Chiềng 6 và thôn Chiềng 8; cụ thể:

+ Sáp nhập cụm thứ nhất thôn Chiềng 7 vào thôn Chiềng 6 lấy tên là thôn Chiềng 4;

+ Sáp nhập cụm thứ 2 thôn Chiềng 7 vào thôn Chiềng 8 lấy tên là thôn Chiềng 5.

- Thôn Bất 2 sáp nhập vào thôn Bất 3 lấy tên là thôn Bất 2;

- Thôn Loạc sáp nhập 1 vào thôn Loạc 2 lấy tên là thôn Loạc.

- 13. Xã Nậm Mả:** Sáp nhập 04 thôn cũ thành 02 thôn mới (*giảm 02 thôn*):
- Thôn Nậm Mu sáp nhập vào thôn Nậm Trang lấy tên là thôn Nậm Trang;
  - Thôn Nậm Mả sáp nhập vào thôn Tà Chủ lấy tên là thôn Nậm Mả.
- 14. Xã Nậm Dạng:** Sáp nhập 02 thôn cũ thành 01 thôn mới (*giảm 01 thôn*):  
Thôn Nậm Kẹn sáp nhập vào thôn Pò Nào lấy tên là thôn Nậm Kẹn.
- 15. Xã Văn Sơn:** Sáp nhập 09 thôn cũ thành 05 thôn mới (*giảm 04 thôn*):
- Thôn Tân Sơn sáp nhập vào thôn Quyết Tiến lấy tên là thôn Tân Tiến.
  - Tách thôn Trung Sơn thành 02 cụm dân cư để sáp nhập vào 02 thôn liền kề là thôn Xuân Sơn và thôn Sơn Hồng, cụ thể:
    - + Sáp nhập cụm thứ nhất thôn Trung Sơn vào thôn Xuân Sơn lấy tên là thôn Xuân Trung;
    - + Sáp nhập cụm thứ 2 thôn Trung Sơn vào thôn Sơn Hồng lấy tên là thôn Xuân Hồng.
  - Thôn Xuân Thủy sáp nhập vào thôn Văn Thủy lấy tên là thôn Văn Thủy;
  - Thôn Xuân Nam sáp nhập vào thôn Văn Tiến lấy tên là thôn Xuân Tiến.
- 16. Thị trấn Khánh Yên:** Sáp nhập 09 tổ dân phố cũ thành 05 tổ dân phố mới (*giảm 04 tổ dân phố*):
- Tách tổ dân phố Nam Thái thành 02 cụm dân cư để sáp nhập vào các tổ dân phố liền kề (tổ 9+10 và Nà Trang)
  - + Sáp nhập cụm thứ nhất tổ dân phố Nà Thái vào tổ dân phố số 9 và tổ dân phố số 10 lấy tên là tổ dân phố số 9;
  - + Sáp nhập cụm thứ 2 tổ dân phố Nà Thái vào tổ dân phố Nà Trang lấy tên là tổ dân phố Nà Trang.
    - Tổ dân phố Mạ 1 sáp nhập vào tổ dân phố Mạ 2 lấy tên là tổ dân phố Bản Mạ;
    - Tách tổ dân phố số 12 thành 02 cụm dân cư để sáp nhập vào 02 tổ dân phố liền kề là tổ dân phố số 11 và tổ dân phố số 13:
      - + Sáp nhập cụm thứ nhất tổ dân phố số 12 vào tổ dân phố số 11 lấy tên là tổ dân phố số 11;
      - + Sáp nhập cụm thứ 2 tổ dân phố số 12 vào tổ dân phố số 13 lấy tên là tổ dân phố số 13.

*(Có biểu tổng hợp số 01 kèm theo)*

**Điều 2.** Phân loại thôn, tổ dân phố: Sau khi sáp nhập 56 thôn, tổ dân phố mới (51 thôn và 05 tổ dân phố) được phân loại như sau:

- Thôn, tổ dân phố loại I là: 17 (trong đó 15 thôn, 02 tổ dân phố);

- Thôn, tổ dân phố loại II: 38 (trong đó 35 thôn, 03 tổ dân phố);
- Thôn, tổ dân phố loại III: 01 (trong đó 01 thôn, 0 tổ dân phố).

(Có biểu phân loại số 2a và 2b kèm theo)

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch UBND huyện Văn Bàn; Giám đốc các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn có thôn, tổ dân phố sáp nhập căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

**Nơi nhận:**

- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- MTTQ và các tổ chức đoàn thể tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Văn phòng TU, HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở Nội vụ (03 bản);
- Các sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Lao động TB&XH; Giao thông Vận tải - Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT; Y tế, Giáo dục; TN&MT;
- Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Huyện ủy, UBND huyện Văn Bàn;
- Lãnh đạo VP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NC2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



**Đặng Xuân Phong**



DANH SÁCH THÔN, TÒ ĐÀN PHỐ THUỘC CÁC XÃ, THỊ TRẤN SÁP NHẬP NĂM 2018 THUỘC HUYỆN VĂN BẢN  
(Kèm theo Quyết định số: 3631 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 14 năm 2018 của UBND tỉnh Lào Cai)

Biểu số 01

STT	Xã/thôn	Thôn cũ (khi chưa sắp nhập)	Thực trạng thôn cũ					Thôn mới (sau khi sắp nhập)	Kết quả sắp nhập					Dự kiến kết quả phân loại thôn, TDP	Kết quả giám được số thôn			
			Diện tích (ha)	Số hộ	Số khẩu	Nhà văn hóa	5		6	7	8	9	10			12	11	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12	11					
			1.080.3	67	446	Chưa có		Thôn Mả Sa Phìn	7.493.4	120	817			Đã có	Loại 1	Giám 1 thôn		
1	Xã Nậm Xây	Thôn Phìn Hồ	6.413.1	53	371	Chưa có	Thôn Mả Sa Phìn	694.8	137	707	Đã có	Loại 1	Giám 1 thôn					
		Thôn Mả Sa Phìn	387.4	92	456	Đã có	Thôn 3 Minh Hà	393.9	113	557	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn					
		Thôn 3 Minh Hà	307.4	45	251	Chưa có	Thôn 1 Minh Chiềng	28.3	10	42	Đã có	Loại 1						
		Thôn Pom Khén	334.6	84	439	Đã có												
		Thôn 1 Minh Chiềng	31.0	19	76	Đã có	Thôn 2 Minh Chiềng	223.5	52	264	Chưa có	Loại 2						
		Thôn 2 Minh Chiềng (cụm 1)	208.66	73	397	Chưa có												
		Thôn 3 Minh Chiềng (cụm 1)	46.00	23	100	Chưa có	Thôn 2 Minh Chiềng	432.16	125	661	Chưa có	Loại 2						
		Thôn 2 Minh Chiềng (cụm 2)	53.2	8	42	Đã có							Thôn 3 Minh Chiềng	443.6	135	638	Đã có	Loại 1
		Thôn 3 Minh Chiềng (cụm 2)	344.37	104	496	Đã có												
		2	Xã Minh Lương	Thôn 4 Minh Chiềng					Thôn 3 Minh Chiềng					Loại 1	Giám 1 thôn			
				Thôn 3 Minh Chiềng (cụm 3)														
Thôn 2 Minh Chiềng (cụm 3)																		
Thôn 1 Minh Chiềng																		



3	Xã Dương Quỳ	Thôn Nà Hách	600	57	302	Chưa có	Thôn Nà Hách	1.000	127	617	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn	
		Thôn Đồi Lát	400	70	315	Đã có								
		Thôn Nà Hùn	450	61	312	Chưa có	Thôn Nà Hùn	910	129	638	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn	
		Thôn Nà Sơ	460	68	326	Chưa có	Hìn							
		Thôn Bản Pầu	610	63	316	Chưa có	Thôn Bản Pầu	1.060	115	560	Chưa có	Loại 2	Giám 1 thôn	
		Thôn Nà Pằm	450	52	244	Chưa có								
		Thôn Bản Khoay	500.0	49	234	Chưa có	Thôn Bản Khoay	1.047	133	655	Chưa có	Loại 1	Giám 1 thôn	
		Thôn Hối Cải	547.0	84	421	Chưa có								
		Thôn Khuân Đo	520	89	389	Đã có	Thôn Khuân Đo	920	161	745	Đã có	Loại 1	Giám 1 thôn	
		Thôn Phai Luông	400	72	356	Chưa có								
		Thôn Tông Pháy	660	64	329	Đã có	Thôn Tông Pháy	1.010	132	676	Đã có	Loại 1	Giám 1 thôn	
		Thôn Nà Lốc	350	68	347	Chưa có								
4	Xã Hòa Mạc	Thôn Thái Hòa	178.8	49	191	Đã có	Thôn Thái Hòa	352.9	113	478	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn	
		Thôn Sánh Phìn	174.1	64	287	Đã có								
		Thôn Nà Bơ	210	47	235	Đã có	Thôn Làng Chút	459.7	118	620	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn	
		Thôn Nà Coóc	250	71	385	Đã có								
		Thôn Ít Lọc 1	216	60	308	Đã có	Thôn Ít Lọc	430	110	529	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn	
		Thôn Ít Lọc 2	214	50	221	Đã có								
5	Xã Làng Giăng	Thôn An 1	120	83	305	Đã có	Thôn An	529	151	666	Đã có	Loại 1	Giám 1 thôn	
		Thôn An 2	409	68	361	Đã có								
		Thôn Nặm Bó	258	59	305	Đã có	Thôn Nặm Bó	560	140	690	Đã có	Loại 1	Giám 1 thôn	
		Thôn Nặm Bó 1	302	81	385	Đã có								

6	Xã Khánh Yên Thượng	Thôn Nà Băm	150	58	282	Đã có	Thôn Nà Băm	270	166	608	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn		
		Thôn Nà Tiêm	120	108	326	Đã có	Thôn Giàng	646	145	676	Đã có	Loại 1	Giám 1 thôn		
		Thôn Giàng 1	266	69	335	Đã có									
		Thôn Giàng 2	380	76	341	Đã có	Thôn Nà Thái	455.5	133	622	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn		
		Thôn Nà Thái	262.9	70	353	Đã có									
		Thôn Bàn Thuông	192.6	63	269	Đã có									
		7	Xã Khánh Yên Trung	Thôn Yên Xuân	121.9	63	262	Đã có	Thôn Noong Dòn	398.7	187	838	Đã có	Loại 1	Giám 1 thôn
				Thôn Noong Dòn	276.8	124	576	Đã có							
				Thôn Làn 1	425	91	430	Đã có	Thôn Làn 1	575	103	478	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn
				Thôn Nà Quan (chia làm 02 cụm dân cư)	150	12	48	Đã có							
	255			40	189	Đã có									
Thôn Trung Tâm	370			92	392	Đã có	Thôn Trung Tâm	625	132	581	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn		
Thôn Loong Chai	365			66	298	Đã có									
Thôn Noong Khuẩn	360			82	383	Đã có	Thôn Noong Khuẩn	725	148	681	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn		
Thôn Én 1	468			85	368	Đã có									
Thôn Én 3 (chia làm 02 cụm dân cư)	199			37	182	Đã có									
8	Xã Khánh Yên Hạ	Thôn Én 2	175	30	117	Đã có	Thôn Én 1	667	122	550	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn		
			402	95	484	Đã có									
		Thôn Xuân Khánh	149.64	60	210	Đã có	Thôn Xuân Khánh	305.21	128	466	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn		
		Thôn Văn Khánh	155.57	68	256	Đã có									
		Thôn Phát	162.07	43	214	Đã có									
		Thôn Cướm	152.46	52	230	Đã có	Thôn Phát Cướm	314.53	95	444	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn		





9	Xã Liêm Phú	Thôn Trung Tâm	395	57	243	Chưa có	Thôn Ô	821	164	712	Đã có	Loại 1	Giám 1 thôn	
		Thôn Ô	426	107	469	Đã có								
		Thôn Hồn Bàn	468	49	234	Đã có	Thôn Liêm	881	130	639	Đã có	Loại 1	Giám 1 thôn	
		Thôn Liêm	413	81	405	Chưa có								
10	Xã Tân An	Thôn Chằm Lang	371	59	271	Đã có	Thôn Giăng	690	144	658	Đã có	Loại 1	Giám 1 thôn	
		Thôn Giăng	319	85	387	Đã có								
		Thôn Xuân Sang 1	158.86	68	232	Đã có	Thôn Xuân Sang	332.59	108	383	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn	
		Thôn Xuân Sang 2	173.73	40	151	Chưa có								
11	Xã Tân Thượng	Thôn Dài 1	457.6	60	329	Đã có	Thôn Khe Dài	647.4	100	563	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn	
		Thôn Dài 2 (chia làm 02 cụm dân cư)	189.8	40	234	Đã có	Bản Mai	346.1	120	509	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn	
			11.0	25	84									
		Bản Mai	335.1	95	425	Chưa có								
		Thôn Khe Tôm	185.2	57	267	Chưa có	Thôn Tân Trúc	429.9	147	613	Chưa có	Loại 2	Giám 1 thôn	
		Thôn Tân Trúc	244.7	90	346	Chưa có								
		Thôn Khe Tép	424.3	66	229	Đã có	Thôn Tân Lập	586.5	132	514	Chưa có	Loại 2	Giám 1 thôn	
		Thôn Cầu Thín	162.2	66	285	Chưa có								
		Thôn Ngòi Thín	179.6	48	231	Chưa có	Thôn Ngâm Thín	739.7	147	599	Chưa có	Loại 1	Giám 1 thôn	
		Thôn Ngâm Thín	560.1	99	368	Chưa có								
		Thôn Chiềng 1	174	58	259	Đã có	Thôn Chiềng 1	258	118	539	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn	
Thôn Chiềng 2 (chia làm 02 cụm dân cư)	84	60	280	Đã có	Thôn Chiềng 2	280	106	457	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn			
	112	46	198											
	168	60	259											



12	Xã Vò Lao	Thôn Chiềng 4	161	43	207	Đã có	Thôn Chiềng 3	300	113	463	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn		
		Thôn Chiềng 5	139	70	256	Đã có									
		Thôn Chiềng 6	155	80	329	Đã có									
		Thôn Chiềng 7 (chia làm 02 cụm dân cư)	73	35	161	Đã có	Thôn Chiềng 4	228	115	490	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn		
			83	34	172		Thôn Chiềng 5	228	109	510	Đã có	Loại 2			
		Thôn Chiềng 8	145	75	338	Đã có									
		Thôn Bất 2	186	57	292	Đã có	Thôn Bất 2	361	123	599	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn		
		Thôn Bất 3	175	66	307	Đã có									
		Thôn Loạc 1	140	58	259	Đã có	Thôn Loạc	215	120	536	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn		
		Thôn Loạc 2	75	62	277	Đã có									
		13	Xã Nặm Mả	Thôn Nặm Mu	1.860	57	325	Chưa có	Thôn Nặm Trang	3.538	133	752	Đã có	Loại 1	Giám 1 thôn
				Thôn Nặm Trang	1678	76	427	Đã có							
Thôn Nặm Mả	1745			62	347	Chưa có	Thôn Nặm Mả	3.355	100	534	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn		
Thôn Tà Chú	1610			38	187	Chưa có									
Thôn Nặm Kẹn	768.7			58	270	Đã có	Thôn Nặm Kẹn	1.189.6	89	401	Đã có	Loại 2	Giám 1 thôn		
14	Xã Nặm Dạng	Thôn Pò Nào	420.9	31	131	Đã có									
		Thôn Tân Sơn	69	54	201	Đã có	Thôn Tân Tiến	142	106	385	Đã có	Loại 3	Giám 1 thôn		
		Thôn Quyết Tiến	73	52	184	Đã có									
		Thôn Xuân Sơn	84	75	264	Đã có	Thôn Xuân Trung	149.4	151	529	Đã có	Loại 2	Giám 1		
		Thôn Trung Sơn (chia	65.4	76	265										

Đã có

15	Xã Vân Sơn	làm 02 cụm dân cư)	43.6	52	178															thôn		
		Thôn Sơn Hồng	67	82	301					Thôn Xuân Hồng	110.6	134	479									
		Thôn Xuân Thủy	74	65	206					Thôn Vân Thủy	152	121	441									
		Thôn Vân Thủy	78	56	235					Thôn Xuân Tiên	296.48	92	349									
		Thôn Xuân Nam	136	56	191																	
		Thôn Vân Tiên	160.48	36	158																	
16	Thị trấn Khánh Yên	TDP số 9	4.8	102	352																	
		TDP số 10	10.5	84	303					TDP số 9	16.92	215	742									
		TDP Nam Thái (chia làm 02 cụm dân cư)	1.62	29	87					TDP Nà Trang	110.6	119	488									
			84.48	44	137																	
		TDP Nà Trang	26.12	75	351					TDP Bàn Mạ	261.53	185	637									
		TDP Mạ 1	113.0	71	467																	
		TDP Mạ 2	148.53	114	170																	
		TDP số 11	4.40	125	315					TDP số 11	5.63	175	488									
	TDP số 12 (chia làm 02 cụm dân cư)	1.23	50	173																		
		0.77	63	243																		
	TDP số 13	5.80	82	265					TDP số 13	6.57	145	508										
	Cộng	103							56											47		

Ghi chú: - Năm 2018 huyện Văn Bàn sáp nhập 103 thôn, tổ dân cũ thành 56 thôn, tổ dân phố mới (giảm 47 thôn, tổ dân phố);



(Kèm theo Quyết định số: 3631 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Lào Cai)

Biểu số 02a

TT	Tên thôn (bản) TGP/ huyện, TP	Tiêu chí quy mô hộ gia đình			Tiêu chí diện tích tự nhiên			Tiêu chí các yếu tố đặc thù										Tổng số điểm	Kết quả phân loại
		Tổng số hộ (hộ)	Số điểm (tối đa 200 điểm)	Tổng diện tích (ha)	Số điểm (tối đa 100 điểm)	Tổng điểm của các yếu tố đặc thù (tối đa 50 điểm)	Yếu tố khu vực	Yếu tố An ninh trật tự	Yếu tố hộ là người dân tộc thiểu số	Yếu tố hộ nghèo	Tổng số điểm								
						Thôn DBKK (xã Khu vực I, II) và xã thuộc khu vực	Số điểm	Thôn phức tạp AN TT	Số điểm	Số hộ (hộ)	Tỷ lệ %	Số điểm	Số hộ nghèo	Tỷ lệ %	Số điểm				
1	2	3	4	5	6	7 = 9+ 11+14+17	8	9	10	11	12	13 = 12/3	14	15	16 = 15/3	17	18 = 4+6+7	19	
<b>I</b>		<b>Xã Nậm Xây</b>																	
1	Mả Sa Phìn	120	110	7493	100	50	Xã KV III	20	x	10	120	100	10	54	45	10	260	Loại 1	
<b>II</b>		<b>Xã Minh Lương</b>																	
2	Thôn 3 Minh Hạ	137	118.5	694.8	100	50	Xã KV III	20	x	10	133	97.08	10	68	49.6	10	268.5	Loại 1	
3	Thôn 1 Minh Chiêng	113	106.5	393.9	89.4	40	Xã KV III	20			113	100	10	51	45.1	10	235.9	Loại 2	
4	Thôn 2 Minh Chiêng	125	106.5	432.2	93.2	40	Xã KV III	20			125	100	10	60	48	10	239.7	Loại 2	
5	Thôn 3 Minh Chiêng	135	117.5	443.6	94.4	40	Xã KV III	20			135	100	10	59	43.7	10	251.9	Loại 1	
<b>III</b>		<b>Xã Dương Quý</b>																	
6	Nà Hạch	127	113.5	1000	100	35	Xã KV III	20			126	99	10	37	29.1	5	248.5	Loại 2	

7	Nà Hin	129	114.5	910	100	35	Xã KV III	20			129	100.0	10	34	26.4	5	249.5	Loại 2	
8	Bản Pầu	115	107.5	1060	100	40	Xã KV III	20			115	100.0	10	49	42.6	10	247.5	Loại 2	
9	Bản Khoa	133	116.5	1047	100	40	Xã KV III	20			133	100.0	10	84	63.2	10	256.5	Loại 1	
10	Khuân Đò	164	130.5	920	100	45	Xã KV III	20	x	10	159	98.8	10	51	31.7	5	275.5	Loại 1	
11	Tông Pháy	132	116	1010	100	35	Xã KV III	20			116	87.9	10	34	25.8	5	251	Loại 1	
<b>IV Xã Hòa Mạc</b>																			
12	Thái Hòa	113	106.5	352.9	85.3	25	Xã KV II	15			71	62.8	10	6	5.3		216.8	Loại 2	
13	Làng Chút	118	109	459.7	96	25	Xã KV II	15			118	100.0	10	10	8.5		230	Loại 2	
<b>V Xã Làng Giàng</b>																			
14	Thôn Í Lộc	110	105	430	93	35	Xã KV III	20			110	100.0	10	38	34.5	5	233	Loại 2	
15	Thôn An	151	125.5	529	100	30	Xã KV III	20			149	98.7	10	27	17.9		255.5	Loại 1	
16	Thôn Nậm Bó	140	120	560	100	35	Xã KV III	20			138	98.6	10	35	25.0	5	255	Loại 1	
17	Thôn Nà Bay	166	133	270	74	30	Xã KV III	20			123	74.1	10	20	12.0		237	Loại 2	
18	Thôn Giàng	145	122.5	646	100	35	Xã KV III	20			144	99.3	10	30	20.7	5	257.5	Loại 1	
<b>VI Xã Khánh Yên Thượng</b>																			
19	Thôn Nà Thái	134	117	455.5	95.6	25	Xã KV II	15			111	82.8	10	10	7.5		237.6	Loại 2	
20	Thôn Noong Dòn	187	143.5	398.7	89.9	25	Xã KV II	15			96	51.3	10	16	8.6		258.4	Loại 1	
<b>VII Xã Khánh Yên Trung</b>																			
21	Thôn Làn I	103	101.5	575	100	25	Xã KV II	15			102	99.0	10	10	9.7		226.5	Loại 2	
22	Thôn Trung Tâm	132	116	625	100	25	Xã KV II	15			105	79.5	10	11	8.3		241	Loại 2	
23	Thôn Noong Khuẩn	148	124	725	100	25	Xã KV II	15			135	91.2	10	12	8.1		249	Loại 2	

24	Thôn Ân 1	122	111	667	100	25	Xã KV II	15			100	82.0	10	14	11.5		236	Loại 2
25	Thôn Ân 2	125	112.5	582	100	25	Xã KV II	15			119	95.2	10	10	8.0		237.5	Loại 2
VIII	Xã Khánh Yên Hạ																	
26	Thôn Xuân Khánh	128	114	305.2	80.5	15	Xã KV II	15			7	5.5		15	11.7		209.5	Loại 2
27	Thôn Phát Cườn	95	95	314.5	81.45	25	Xã KV II	15			95	100.0	10	7	7.4		201.5	Loại 2
IX	Xã Liêm Phú																	
28	Thôn Ò	164	132	821	100	35	Thôn DBKK	20			102	62.2	10	40	24.4	5	267	Loại 1
29	Thôn Liêm	130	115	881	100	35	Thôn DBKK	20			127	97.7	10	46	35.4	5	250	Loại 1
30	Thôn Giảng	144	122	690	100	30	Xã KV II	15			139	96.5	10	37	25.7	5	252	Loại 1
X	Xã Tân An																	
31	Thôn Xuân Sang	108	104	332.6	83.26	15	Xã KV II	15			15	13.9		15	13.9		202.3	Loại 2
XI	Xã Tân Thượng																	
32	Thôn Khe Dài	107	103.5	647.4	100	30	Xã KV II	15			107	100.0	10	33	30.8	5	233.5	Loại 2
33	Thôn Bàn Mai	120	110	346.1	84.61	35	Thôn DBKK	20			120	100.0	10	38	31.7	5	229.6	Loại 2
34	Thôn Tân Trúc	147	123.5	429.9	93	30	Xã KV II	15			91	61.9	10	57	38.8	5	246.5	Loại 2
35	Thôn Tân Lập	132	116	586.5	100	20	Xã KV II	15			54	40.9	5	19	14.4		236	Loại 2
36	Thôn Ngâm Thín	147	123.5	766.1	100	40	Xã KV II	15	x	10	93	63.3	10	39	26.5	5	263.5	Loại 1
XII	Xã Vô Lao																	
37	Thôn Chiềng 1	118	109	258	71.6	35	Xã KV II	15	x	10	118	100.0	10	22	18.6		215.6	Loại 2
38	Thôn Chiềng 2	106	103	280	76	25	Xã KV II	15			106	100.0	10	8	7.5		204	Loại 2
39	Thôn Chiềng 3	113	106.5	300	80	25	Xã KV II	15			116	102.7	10	14	12.4		211.5	Loại 2

40	Thôn Chiềng 4	113	106.5	228	65.6	25	Xã KV II	15			113	100.0	10	13	11.5		197.1	Loại 2
41	Thôn Chiềng 5	109	104.5	228	65.6	25	Xã KV II	15			109	100.0	10	19	17.4		195.1	Loại 2
42	Thôn BẮC 2	123	111.5	361	86.1	25	Xã KV II	15			123	100.0	10	17	13.8		222.6	Loại 2
43	Thôn Loạc	120	110	215	63	25	Xã KV II	15			110	91.7	10	5	4.2		198	Loại 2
<b>XIII Xã Nậm Mã</b>																		
44	Thôn Nậm Trang	133	116.5	3538	100	35	Xã KV III	20			132	99.2	10	41	30.8	5	251.5	Loại 1
45	Thôn Nậm Mã	100	100	3355	100	40	Xã KV III	20			99	99.0	10	42	42.0	10	240	Loại 2
<b>XIV Xã Nậm Dạng</b>																		
46	Thôn Nậm Kén	89	89	1190	100	35	Xã KV III	20			85	95.5	10	30	33.7	5	224	Loại 2
<b>XV Xã Văn Sơn</b>																		
47	Thôn Tân Tiến	106	103	142	50	10	Xã KV I	10				0.0		4	3.8		163	Loại 3
48	Thôn Xuân Trung	151	125.5	149.4	50	10	Xã KV I	10				0.0		4	2.6		185.5	Loại 2
49	Thôn Xuân Hồng	134	117	110.6	50	10	Xã KV I	10				0.0		5	3.7		177	Loại 2
50	Thôn Văn Thủy	121	110.5	152	50.4	10	Xã KV I	10				0.0		6	5.0		170.9	Loại 2
51	Thôn Xuân Tiến	92	92	296.4	79.3	15	Xã KV I	10			36	39.1	5	9	9.8		186.3	Loại 2

**Ghi chú:** Sau khi sắp nhập thì 51 thôn (bản) mới của huyện Văn Bàn được phân loại như sau: Loại I là 15; Loại II là 35; Loại III là 01;



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LAO CAI

Biểu số 02b

**DỰ KIẾN PHÂN LOẠI TÒ DÂN PHỐ NĂM 2018 THUỘC HUYỆN VĂN BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 3631/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Tên thôn (bản)/huyện, TP	Tiêu chí quy mô hộ gia đình			Tiêu chí diện tích tự nhiên			Tiêu chí các yếu tố đặc thù							Tổng số điểm	Kết quả phân loại		
		Tổng số hộ (hộ)	Số điểm (tối đa 200 điểm)	Tổng diện tích (ha)	Số điểm (tối đa 100 điểm)	Tổng điểm của các yếu tố đặc thù (tối đa 50 điểm)	Yếu tố khu vực		Yếu tố An ninh trật tự	Hộ sản xuất Nông nghiệp	Yếu tố hộ nghèo		Tổng số điểm					
1	2	3	4	5	6	7 = 9+	8	9	10	11	12	13 = 12/3	14	15	16 = 15/3	17	18 = 4+6+7	19
<b>I</b>	<b>Thị trấn Khánh Yên</b>						<b>5</b>										<b>0</b>	
1	Tổ dân phố 9	215	182.5	16.9	46.9	15	TT KV II	15				0.0		3	1.4		244.4	Loại 2
2	TDP Nà Trang	119	119	110.6	100	40	TDP DBKK	20			73	61.3	10	38	31.9	10	259	Loại 1
3	TDP Bàn Mạ	185	167.5	261.5	100	40	TDP DBKK	20			180	97.3	10	78	42.2	10	307.5	Loại 1
4	TDP số 11	175	162.5	5.63	35.6	15	TT KV II	15				0.0			0.0		213.1	Loại 2
5	TDP số 13	145	145	6.57	36.6	15	TT KV II	15				0.0		2	1.4		196.6	Loại 2

**Ghi chú:** Sau khi sắp nhập thì 05 tổ dân phố mới của huyện Văn Bản được phân loại như sau: TDP loại I là 02, TDP loại II là 03 (không có TDP loại